

Số: 314/KH - THPLC

Đông Triều, ngày 14 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh
Năm học 2025-2026

Căn cứ công văn số 3456/BGD&ĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 923/KH-SGD&ĐT ngày 20/5/2025 của Sở GD&ĐT về việc triển khai thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGD&ĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Khung năng lực số (NLS) cho người học (Thông tư số 02); Kế hoạch số 2378/KH-SGD&ĐT ngày 08/9/2025 của Sở GD&ĐT về Kế hoạch triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên, Trường THPT Lê Chân xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Khung NLS cho học sinh năm học 2025-2026 theo Thông tư số 02 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao NLS cho học sinh theo các tiêu chí trong Khung NLS ban hành kèm Thông tư số 02/2025/TT-BGD&ĐT nhằm giúp học sinh nâng cao NLS để ứng dụng học tập và cuộc sống. Qua đó, hình thành và phát triển những năng lực thiết yếu của công dân số, sẵn sàng tham gia môi trường số trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Yêu cầu

Tổ chức thực hiện Khung NLS cho học sinh dựa trên Khung NLS cho người học ban hành kèm theo Thông tư số 02, đối với từng khối lớp trong quá trình triển khai thực hiện tham khảo các nội dung, mức độ cần đạt cho từng đối tượng theo Phụ lục đính kèm, bảo đảm các yêu cầu sau:

- Tính phù hợp và thực tiễn: Triển khai thực hiện từng bước, có lộ trình, đảm bảo tính khả thi, bám sát Công văn 3456/BGD&ĐT-GDPT, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Không gây quá tải: Việc triển khai không làm thay đổi hay gây quá tải cho Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Cần đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng môn học và hoạt động giáo dục để lồng ghép các nội dung nâng cao NLS cho từng đối tượng một cách hợp lý. Nội dung và hoạt động phát triển NLS phải

được thiết kế phù hợp với tâm lý lứa tuổi, nhu cầu và khả năng tiếp cận công nghệ của học sinh.

- Tối ưu hóa nguồn lực: Phát huy tối đa nguồn lực và cơ sở vật chất sẵn có.

- Đảm bảo công bằng: Có giải pháp phù hợp để mọi học sinh để tất cả học sinh nhà trường đều có cơ hội tiếp cận với giáo dục kỹ năng công dân số.

- Vai trò của các môn học: Môn Tin học giữ vai trò chủ đạo, cung cấp kiến thức nền tảng và hệ thống các kỹ năng số cốt lõi cho học sinh; các môn học và hoạt động giáo dục khác tạo môi trường để học sinh vận dụng kỹ năng số vào thực tiễn, qua đó củng cố và phát triển năng lực một cách toàn diện. Năng lực số của học sinh được hình thành và phát triển một cách liên tục, tích hợp trong suốt quá trình học tập thông qua các môn học và hoạt động giáo dục.

II. MỤC TIÊU

1. Về công tác chỉ đạo, triển khai

(1) 100% cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh được nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của việc phát triển NLS thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến.

(2) 100% học sinh được rà soát, đánh giá thực trạng NLS.

(3) Nhà trường, các nhóm chuyên môn và giáo viên: xây dựng kế hoạch nhà trường, kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy có lồng ghép các mục tiêu phát triển NLS phù hợp với từng khối lớp và điều kiện thực tiễn; xây dựng kế hoạch tăng cường thực hiện Khung NLS với nội dung và thời lượng phù hợp; thực hiện đánh giá NLS của học sinh sau mỗi năm học, dựa trên các tiêu chí cụ thể và mức độ cần đạt trong Khung NLS, đồng thời rà soát, điều chỉnh mục tiêu và kế hoạch triển khai.

(4) 100% học sinh được tiếp cận, học tập và rèn luyện các kỹ năng số theo Khung NLS ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT.

(5) Nhà trường tổ chức hoạt động trải nghiệm, Thành lập câu lạc bộ công nghệ số, nghiên cứu khoa học năm học 2025-2026 cho học sinh; tổ chức các hoạt động trải nghiệm tăng cường, STEM/STEAM, dự án học tập gắn với trí tuệ nhân tạo (AI) (Tổ tự nhiên 1 thực hiện chuyên đề), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo (VR), an toàn thông tin phù hợp với tâm lý lứa tuổi và điều kiện thực tế nhà trường.

(6) 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng về triển khai Khung NLS, các phương pháp dạy học phát triển NLS, có khả năng lồng ghép, tích hợp các nội dung phát triển năng lực số trong quá trình dạy học và giáo dục, đảm bảo có khả năng ứng dụng hiệu quả công nghệ trong giảng dạy và hướng dẫn học sinh.

(7) Đội ngũ giáo viên Tin học đủ số lượng và chất lượng đảm bảo vai trò chủ đạo, đồng thời có năng lực tư vấn, hỗ trợ giáo viên các môn học khác trong việc tích hợp NLS.

(8) Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phần mềm

và các nền tảng công nghệ cần thiết để phục vụ triển khai NLS.

(9) Xây dựng và khai thác có hiệu quả ngân hàng học liệu số phục vụ phát triển NLS¹, tham gia xây dựng và chia sẻ học liệu số phục vụ phát triển NLS.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Chuẩn bị điều kiện cần thiết

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Nhà trường, các tổ chuyên môn và giáo viên thực hiện tuyên truyền, phổ biến về tầm quan trọng của NLS, bao gồm các kỹ năng thiết yếu như sử dụng Internet an toàn, bảo mật thông tin cá nhân và khai thác các công cụ học tập trực tuyến qua hội nghị, website, mạng xã hội; ...

1.2. Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

- Cử giáo viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn do Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT tổ chức để giáo viên có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong giảng dạy, thiết kế bài giảng tương tác và hướng dẫn học sinh phát triển các kỹ năng số.

- Khuyến khích tham gia khóa đào tạo ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong giảng dạy và hướng dẫn học sinh phát triển các kỹ năng số.

- Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng cho giáo viên ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong giảng dạy, thiết kế bài giảng tương tác và hướng dẫn học sinh phát triển các kỹ năng số.

1.3. Đảm bảo nguồn lực

- Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến OLM; tiếp tục xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phần mềm và các nền tảng công nghệ cần thiết.

- Chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa thông qua hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai Khung NLS

2.1. Đánh giá thực trạng

Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng NLS của học sinh để điều chỉnh các tiêu chí trong Khung NLS cho phù hợp với điều kiện tổ chức của nhà trường; hình thức đánh giá cần đa dạng, linh hoạt (trực tiếp hoặc trực tuyến) phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2.2. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục ở trong và ngoài nhà trường. Cụ thể như sau:

¹ <https://binhdanhocvuso.gov.vn/>

- Tài liệu “Hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy và học: <https://ai.vnies.edu.vn>

- Kho học liệu video: <https://www.youtube.com/@QniEdu>

- Kế hoạch giáo dục nhà trường: Xác định mục tiêu phát triển NLS theo khối lớp và nhiệm vụ phát triển NLS của học sinh ở từng môn học/hoạt động giáo dục.

- Kế hoạch môn học: Xác định các năng lực thành phần cần phát triển thông qua từng môn/hoạt động giáo dục. Chú ý đến các công nghệ và lĩnh vực công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), ứng dụng thực tế ảo (VR),...

- Kế hoạch bài dạy: Nêu rõ nội dung, hoạt động dạy học cụ thể nhằm phát triển NLS trong từng hoạt động/nội dung dạy học.

- Phổ biến rộng rãi Khung NLS dưới nhiều định dạng, đăng tải trên website của nhà trường để học sinh và phụ huynh dễ dàng tiếp cận. Thường xuyên rà soát và điều chỉnh các mức độ năng lực cho phù hợp với tiến độ hằng năm.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm tăng cường nhằm phát triển NLS cho học sinh: các hoạt động trải nghiệm đổi mới, sáng tạo, câu lạc bộ công nghệ số phù hợp tâm lý lứa tuổi, điều kiện gia đình và địa phương.

- Huy động sự tham gia của các bên như: cha mẹ học sinh, giáo viên, các đơn vị, tổ chức có liên quan trong địa bàn.

- Nhà trường thực hiện đánh giá NLS của học sinh sau mỗi năm học. Hoạt động đánh giá này được thực hiện dựa trên các tiêu chí cụ thể, bám sát các miền năng lực và mức độ cần đạt trong Khung NLS ban hành kèm theo Thông tư số 02. Dựa trên kết quả đánh giá, nhà trường rà soát, xem xét và điều chỉnh các mức độ năng lực nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu đã đề ra.

3. Hình thức tổ chức

3.1. Dạy học môn Tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

- Môn Tin học giữ vai trò chủ đạo, cung cấp kiến thức nền tảng và hệ thống các kỹ năng số cốt lõi cho học sinh. Việc triển khai giảng dạy môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 là phương thức quan trọng để phát triển NLS cho học sinh, là hình thức chủ yếu và nền tảng trong số các hình thức phát triển NLS hiện nay.

- Giáo viên Tin học có vai trò tư vấn, hỗ trợ giáo viên các môn học khác trong việc khai thác, ứng dụng các công cụ số và tích hợp các nội dung phát triển NLS vào quá trình dạy học.

3.2. Tích hợp phát triển NLS trong dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục khác tạo môi trường để học sinh vận dụng kỹ năng số vào thực tiễn, qua đó củng cố và phát triển năng lực một cách toàn diện. Việc tích hợp nội dung Khung NLS vào quá trình dạy học các môn học là một giải pháp khả thi và hiệu quả để thực hiện phát triển NLS cho học sinh.

- Giáo viên nghiên cứu Chương trình môn học/hoạt động giáo dục, đối chiếu nội dung môn học với Khung NLS để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp, xác định rõ các nội dung, hình thức và “địa chỉ” tích hợp NLS trong từng bài học, thiết kế kế hoạch bài dạy sao cho vừa đáp ứng mục tiêu và yêu cầu cần đạt của bài học, vừa tích hợp hiệu quả nội dung của Khung NLS nhằm phát triển một hoặc nhiều năng lực thành phần trong các miền năng lực của Khung NLS.

- Việc phát triển NLS thông qua dạy học tích hợp cần được chú trọng ở cả hai hình thức: tích hợp nội môn và tích hợp liên môn, khuyến khích tích hợp phát triển NLS thông qua các hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, các dự án học tập liên quan đến Trí tuệ nhân tạo (AI).

3.3. Tổ chức dạy học tăng cường, câu lạc bộ thực hiện phát triển NLS

Căn cứ Khung NLS và điều kiện thực tiễn, nhà trường, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch tăng cường thực hiện Khung NLS với nội dung và thời lượng phù hợp để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số từ lớp 10 và củng cố, khắc sâu thêm các NLS cần thiết cho học sinh.

Câu lạc bộ phát triển NLS xây dựng nội dung giáo dục NLS theo các chủ đề, mô-đun, mạch nội dung kiến thức thuộc/đáp ứng một hay một số miền năng lực thuộc Khung NLS; lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức câu lạc bộ phù hợp xây dựng kế hoạch, chương trình câu lạc bộ nhằm tạo các sân chơi sáng tạo giúp học sinh huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng từ nhiều lĩnh vực (môn học, chủ đề nội dung); phát huy năng khiếu, sở trường; phát triển năng lực, phẩm chất đáp ứng Khung NLS.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường

(1) Hiệu trưởng triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về vai trò, ý nghĩa của việc thực hiện Khung NLS đối với việc hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình GDPT 2018; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về Khung NLS và các kỹ năng số cốt lõi; huy động các nguồn lực tổ chức thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

(2) Phó Hiệu trưởng Phạm Bằng Việt:

- Chỉ đạo các Tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy có lồng ghép các mục tiêu phát triển NLS phù hợp với từng khối lớp và điều kiện thực tiễn; xây dựng kế hoạch tăng cường thực hiện Khung NLS với nội dung và thời lượng phù hợp.

- Tham mưu thành lập câu lạc bộ công nghệ số, nghiên cứu khoa học năm học 2025-2026 cho học sinh, lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức các câu lạc bộ phù hợp với thực tế.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm (có kế hoạch tổ chức trong học kỳ I năm học 2025-2026); chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn tổ chức các hoạt động trải nghiệm tăng cường, STEM/STEAM, dự án học tập gắn với trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo (VR), an toàn thông tin phù hợp với tâm lý lứa tuổi và điều kiện thực tế.

- Chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng, phát triển hệ thống học liệu số, tài nguyên giáo dục mở phục vụ phát triển NLS.

- Tổng hợp ý kiến, báo cáo định kỳ về Sở GDĐT về quá trình triển khai và các nội dung liên quan.

(3) Phó Hiệu trưởng Nguyễn Mạnh Thắng:

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng NLS của học sinh để điều chỉnh các tiêu chí trong Khung NLS cho phù hợp với điều kiện tổ chức của nhà trường; hình thức đánh giá linh hoạt (trực tiếp hoặc trực tuyến) phù hợp với điều kiện thực tế. Lập kế hoạch đánh giá NLS của học sinh sau mỗi năm học, dựa trên các tiêu chí cụ thể, bám sát các miền năng lực và mức độ cần đạt trong Khung NLS.

- Tham mưu, phụ trách công tác bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ dạy học và triển khai Khung NLS đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu trong quá trình triển khai Khung NLS.

2. Các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên

- Nghiên cứu Khung NLS; tuyên truyền, phổ biến về NLS cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

- Tham gia tập huấn và tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn; chia sẻ kinh nghiệm và tài nguyên học liệu số.

- Xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy có lồng ghép mục tiêu và nội dung phát triển NLS.

+ Nhóm chuyên môn Tin học: Tổ chức dạy học môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018; giữ vai trò chủ đạo, cung cấp kiến thức nền tảng và hệ thống các kỹ năng số cốt lõi cho học sinh. Giáo viên Tin học có vai trò, trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn giáo viên các môn học khác trong việc khai thác, ứng dụng các công cụ số và tích hợp các nội dung phát triển NLS vào quá trình dạy học.

+ Các môn học và các hoạt động giáo dục khác: Xác định các năng lực thành phần cần phát triển thông qua từng môn/hoạt động giáo dục, lồng ghép mục tiêu và nội dung phát triển NLS trong kế hoạch bộ môn (Chú ý đến các công nghệ và lĩnh vực công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), ứng dụng thực tế ảo (VR)); Kế hoạch bài dạy nêu rõ nội dung, hoạt động dạy học cụ thể nhằm phát triển NLS trong từng hoạt động/nội dung dạy học.

- Tổ Tự nhiên 1: nghiên cứu thực hiện 01 hoạt động trải nghiệm cấp trường

cho học sinh gắn với trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo (VR),..

- Các nhóm chuyên môn tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm tăng cường, STEM/STEAM (thể hiện rõ trong kế hoạch bộ môn và kế hoạch bài dạy), dự án học tập gắn với trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo (VR), an toàn thông tin phù hợp với tâm lý lứa tuổi và điều kiện thực tế nhà trường.

- Tham gia tổ chức các hoạt động tăng cường NLS, câu lạc bộ công nghệ số, hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế.

3. Học sinh

- Chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện, bồi dưỡng năng lực số do nhà trường tổ chức.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả kho học liệu số và các công cụ học tập trực tuyến. Chấp hành quy định về an toàn, bảo mật thông tin khi tham gia môi trường số.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh Trường THPT Lê Chân năm học 2025 - 2026, đề nghị các bộ phận, cá nhân nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Các Phó Hiệu trưởng;
- Các tổ chức đoàn thể, hội nhà trường;
- Tổ trưởng CM;
- CB, GV, NV & HS;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Bằng Việt



Phụ lục 1:

1) CÁC TỪ KHÓA CHÍNH ĐẶC TRƯNG CỦA CÁC MỨC ĐỘ THÀNH THẠO

Mức độ thành thạo của các khối lớp	Tình huống/nhiệm vụ dạy học	Mức độ tự chủ
Lớp 10, 11, 12 (Nâng cao 1)	Các nhiệm vụ và vấn đề khác nhau	Hướng dẫn người khác

Mỗi mức độ năng lực của mỗi khối lớp được xem xét nhiều yếu tố một lúc:

- Mức độ quen thuộc của học sinh với tình huống đặt ra (đơn giản, quen thuộc, mới);
- Mức độ phức tạp của hoạt động sử dụng công cụ kỹ thuật số (cơ bản, phức tạp);
- Mức độ tự chủ (làm có sự giúp đỡ, tự thực hiện một mình, hướng dẫn người khác);
- Mức độ phức tạp của các quy trình (ứng dụng, phát triển) và mục tiêu cần đạt được;
- Kiến thức cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

1. Khái	Miền năng lực	Mô tả sự phức tạp của nhiệm vụ, vấn đề và mức độ tự chủ của học sinh		
1.1. Định	Mô tả tên và các năng lực thành phần			
Xác định được nhu cầu thông tin; tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số; truy cập chúng và khai thác được kết quả tìm kiếm. Tự và cập nhật được chiến lược tìm kiếm.				
L1-L2-L3	L4-L5	L6-L7	L8-L9	L10-L11-L12
Ở trình độ cơ bản và có hướng dẫn, học sinh có thể:	Ở trình độ cơ bản, với khả năng tự chủ và hướng dẫn phù hợp khi cần, học sinh có thể:	Với các vấn đề đơn giản, học sinh có thể tự mình	Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không theo thông lệ, học sinh có thể tự mình:	Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể
- Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số. - Tìm được cách truy cập những dữ liệu, thông tin và nội dung này cũng như điều hướng giữa chúng. - Xác định được các chiến lược tìm kiếm đơn giản.	- Xác định được nhu cầu thông tin. - Tìm được dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số. - Tìm được cách truy cập những dữ liệu, thông tin và nội dung này cũng như điều hướng giữa chúng. - Xác định được các chiến lược tìm kiếm đơn giản.	- Giải thích được nhu cầu thông tin. - Thực hiện được rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. - Giải thích được cách truy cập và điều hướng các kết quả tìm kiếm. - Giải thích được rõ ràng và theo quy trình chiến lược tìm	- Minh họa được nhu cầu thông tin. - Tổ chức được tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. - Mô tả được cách truy cập những dữ liệu, thông tin và nội dung này cũng như điều hướng giữa chúng. - Tổ chức được các chiến lược tìm kiếm	- Đáp ứng được nhu cầu thông tin. - Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu thông tin và nội dung trong môi trường số. - Chỉ cho người khác các truy cập những dữ liệu thông tin và nội dung này cũng như điều hướng giữa chúng. - Tự đề xuất được chiến lược tìm kiếm.
Mỗi gạch đầu dòng tương ứng với một chỉ báo về năng lực, đồng thời cũng là yêu cầu cần đạt của quá trình đánh giá.				



Phụ lục 2:

KHUNG NĂNG LỰC SỐ DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Kèm theo Kế hoạch số 314/KH- THPTLC ngày 14 /10 /2025 của trường THPT Lê Chân)

1. Khai thác dữ liệu và thông tin	
1.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số	
1.1.1 Mô tả năng lực: Xác định được nhu cầu thông tin; tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số; truy cập chúng và khai thác được kết quả tìm kiếm. Tạo và cập nhật được chiến lược tìm kiếm.	
1.1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Đáp ứng được nhu cầu thông tin, - Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số, - Chỉ cho người khác cách truy cập những dữ liệu, thông tin và nội dung này cũng như điều hướng giữa chúng. - Tự đề xuất được chiến lược tìm kiếm.	
1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số	
1.2.1. Mô tả năng lực: Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số. Phân tích, giải thích và đánh giá được dữ liệu, thông tin và nội dung số.	
1.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Thực hiện đánh giá được độ tin cậy và độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số. - Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau.	
1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số	
1.3.1. Mô tả năng lực: Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc.	
1.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Thao tác được thông tin, dữ liệu và nội dung để tổ chức, lưu trữ và truy xuất dễ dàng hơn. - Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường có cấu trúc.	
2. Giao tiếp và Hợp tác	
2.1. Tương tác thông qua công nghệ số	
2.1.1 Mô tả năng lực: Tương tác thông qua các công nghệ số khác nhau và nhận biết được phương tiện giao tiếp số nào phù hợp cho một bối cảnh nhất định.	
2.1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác. - Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất cho một bối cảnh cụ thể.	
2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số	
2.2.1. Mô tả năng lực: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số với người khác thông qua các công nghệ số phù hợp. Đóng vai trò là người trung gian, hiểu biết và thực hành trích dẫn và ghi chú nguồn.	
2.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp, - Hướng dẫn người khác cách đóng vai trò trung gian để chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số. - Áp dụng được nhiều phương pháp tham chiếu và ghi nguồn khác nhau.	
2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân	
2.3.1. Mô tả năng lực: Tham gia vào xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số công cộng và tư nhân. Tìm kiếm được cơ hội, để trao quyền và thu hút công dân thông qua các công nghệ số phù hợp.	

2.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Đề xuất được các dịch vụ số khác nhau để tham gia vào xã hội.
- Sử dụng được các công nghệ số thích hợp để tự mình trang bị và tham gia vào xã hội như một công dân.

2.4. Hợp tác thông qua công nghệ số

2.4.1. Mô tả năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Đề xuất được các công cụ và công nghệ số khác nhau cho các quá trình hợp tác.

2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng

2.5.1. Mô tả năng lực: Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa và thể hệ trong môi trường số.

2.5.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Áp dụng được các chuẩn mực hành vi và bí quyết khác nhau khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số.
- Áp dụng được các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường số một cách phù hợp.
- Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác nhau để xem xét trong môi trường số.

2.6. Quản lý danh tính số

2.6.1. Mô tả năng lực: Tạo và quản lý được một hoặc nhiều danh tính số để bảo vệ danh tiếng của bản thân, làm việc với dữ liệu mà một người tạo ra bằng nhiều công cụ, môi trường và dịch vụ số.

2.6.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Sử dụng được nhiều danh tính số khác nhau.
- Áp dụng được các cách khác nhau để bảo vệ danh tính trực tuyến của bản thân.
- Sử dụng được dữ liệu tạo ra thông qua công cụ, môi trường và một số dịch vụ số.

3. Sáng tạo nội dung số

3.1 Phát triển nội dung số

3.1.1. Mô tả năng lực: Tạo và chỉnh sửa được nội dung số ở các định dạng khác nhau, nhằm thể hiện bản thân thông qua các phương tiện số.

3.1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau,
- Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân thông qua việc tạo ra các nội dung số.

3.2. Tích hợp và tạo lập lại nội dung số

3.2.1. Mô tả năng lực: Sửa đổi, tinh chỉnh và tích hợp được thông tin và nội dung mới vào khối kiến thức và tài nguyên hiện có để tạo ra nội dung và kiến thức mới, độc đáo và phù hợp.

3.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

Làm việc với các mục nội dung và thông tin mới khác nhau, sửa đổi, tinh chỉnh, cải thiện và tích hợp chúng để tạo ra những mục mới và độc đáo.

3.3. Thực thi bản quyền và giấy phép

3.3.1. Mô tả năng lực: Hiểu được cách áp dụng bản quyền và giấy phép cho thông tin và nội dung số

3.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Áp dụng được các quy định khác nhau về bản quyền và giấy phép cho dữ liệu, thông tin và nội dung số.

3.4. Lập trình

3.4.1. Mô tả năng lực: Lập được kế hoạch và phát triển được một chuỗi các câu lệnh để hiểu cho một hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề nhất định hoặc thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

3.4.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.



4. An toàn	
4.1. Bảo vệ thiết bị	
4.1.1. Mô tả năng lực: Bảo vệ được thiết bị và nội dung số; hiểu được rõ rủi ro và mối đe dọa trong môi trường số; nắm được các biện pháp an toàn và bảo mật; quan tâm đến mức độ tin cậy và quyền riêng tư.	
4.1.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Áp dụng được các cách khác nhau để bảo vệ thiết bị và nội dung số. - Nhận thức được sự đa dạng của các rủi ro và đe dọa trong môi trường số. - Áp dụng được các biện pháp an toàn và bảo mật. - Sử dụng được các cách thức khác nhau để quan tâm đến mức độ tin cậy và quyền riêng tư.	
4.2 Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư	
4.2.1 Mô tả năng lực: Bảo vệ được dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. Hiểu được cách sử dụng và chia sẻ thông tin định danh cá nhân một cách an toàn, có khả năng bảo vệ bản thân và người khác. Hiểu được cách các dịch vụ số sử dụng “Chính sách Quyền riêng tư” để thông báo phương thức sử dụng dữ liệu cá nhân.	
4.2.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. - Áp dụng được các cách thức đặc thù để chia sẻ dữ liệu cá nhân một cách an toàn. - Giải thích được các tuyên bố trong chính sách quyền riêng tư về cách sử dụng dữ liệu cá nhân trong các dịch vụ số.	
4.3 Bảo vệ sức khỏe và an sinh số	
4.3.1 Mô tả năng lực: Tránh được rủi ro và đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ số. Bảo vệ được bản thân và người khác khỏi nguy cơ trong môi trường số (ví dụ: bắt nạt trên mạng). Nhận biết được những công nghệ số cho tăng cường thịnh vượng xã hội và sự hòa hợp trong xã hội.	
4.3.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Trình bày được các cách thức khác nhau để tránh rủi ro và đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ số. - Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ bản thân và người khác khỏi nguy cơ trong môi trường số. - Trình bày được các công nghệ số khác nhau giúp tăng cường thịnh vượng xã hội và sự hòa hợp trong xã hội.	
4.4 Bảo vệ môi trường	
4.4.1 Mô tả năng lực: Nhận thức được tác động của công nghệ số và việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường.	
4.4.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường khỏi tác động của công nghệ số và việc sử dụng công nghệ số.	
5. Giải quyết vấn đề	
5.1. Giải quyết các vấn đề kỹ thuật	
5.1.1 Mô tả năng lực: Xác định được các vấn đề kỹ thuật khi vận hành thiết bị, sử dụng môi trường số và giải quyết chúng (từ xử lý sự cố đến giải quyết các vấn đề phức tạp hơn).	
5.1.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể: - Đánh giá được các vấn đề kỹ thuật khi sử dụng môi trường số và vận hành các thiết bị số. - Áp dụng được các giải pháp khác nhau cho chúng.	
5.2 Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ	
5.2.1 Mô tả năng lực: Đánh giá được nhu cầu và xác định, đánh giá, lựa chọn, sử dụng các công cụ số cùng với các giải pháp công nghệ khả thi để giải quyết chúng. Điều chỉnh và tùy chỉnh được môi trường số theo nhu cầu cá nhân (ví dụ: khả năng tiếp cận).	
5.2.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:	



- Đánh giá được nhu cầu cá nhân,
- Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu đó.
- Sử dụng được các cách khác nhau để điều chỉnh và tùy chỉnh môi trường số theo nhu cầu cá nhân.

5.3 Sử dụng sáng tạo công nghệ số

5.3.1 Mô tả năng lực: Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức, đổi mới quy trình và sản phẩm. Gắn kết cá nhân và tập thể vào quá trình xử lý nhận thức để hiểu và giải quyết các vấn đề mang tính khái niệm và các tình huống có vấn đề trong môi trường số.

5.3.2. Yêu cầu năng lực cần đạt: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Áp dụng được các công cụ và công nghệ số khác nhau để tạo ra kiến thức cũng như các quy trình và sản phẩm đổi mới.
- Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân và tập thể để giải quyết các vấn đề khái niệm và tình huống có vấn đề khác nhau trong môi trường số.

5.4 Xác định các vấn đề cần cải thiện về NLS

5.4.1. Mô tả năng lực: Hiểu được NLS của chính mình cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu. Có thể hỗ trợ người khác phát triển NLS của họ. Tìm kiếm được cơ hội phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển số.

5.4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu,
- Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ người khác phát triển NLS của họ.
- Đề xuất được các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển công nghệ số.

6. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo

6.1 Hiểu biết về trí tuệ nhân tạo

6.1.1. Mô tả năng lực: Hiểu được cách AI ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày và vai trò của AI trong các lĩnh vực khác nhau. Nắm vững được nguyên tắc hoạt động của AI, khả năng và hạn chế của AI.

6.1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Phân tích được cách AI hoạt động trong các ứng dụng cụ thể.
- So sánh được các hệ thống AI khác nhau và cách chúng xử lý dữ liệu.

6.2 Sử dụng trí tuệ nhân tạo

6.2.1. Mô tả năng lực: Sử dụng hiệu quả các hệ thống AI và hiểu rõ ứng dụng thực tế của chúng. Sử dụng được AI để tạo nội dung, khám phá kiến thức và giải quyết các vấn đề trong công việc và cuộc sống hàng ngày.

6.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Phát triển được các ứng dụng AI tùy chỉnh để giải quyết các vấn đề cụ thể.
- Điều chỉnh được các hệ thống AI để phù hợp với nhu cầu cụ thể.
- Đánh giá và giảm thiểu được các rủi ro đạo đức và pháp lý liên quan đến việc sử dụng AI.

6.3 Đánh giá trí tuệ nhân tạo

6.3.1. Mô tả năng lực: Đánh giá và lọc được thông tin từ các nguồn được tạo ra hoặc xử lý bằng AI, để hiểu rõ hơn về tính đáng tin cậy và cách sử dụng thông tin đó. Đánh giá được AI trên các khía cạnh minh bạch, an toàn, đạo đức và tác động.

6.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực: Khi tự mình và hướng dẫn người khác, học sinh có thể:

- Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI.
- Xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.